

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: **102/2019/HS - ST**
Ngày 13 - 9 - 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ- TỈNH QUẢNG NAM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tin,
2. Ông Phạm Nguyễn Hồng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Thường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 103/2019/TLHS - ST ngày 15 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXXST - HS ngày 29 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Võ Văn T - Sinh ngày 27 tháng 3 năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn NH, xã BN, huyện TB, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ học vấn: 7/12; con ông N và bà T; bị cáo có vợ và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị tạm giam từ ngày 19 tháng 3 năm 2019, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Phan Thị Mỹ T - Sinh năm 1975; trú tại: Khôi phố P.H, phường HT, thành phố T.K, tỉnh Quảng Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Võ Thị Th - Sinh năm 1978; trú tại: Thôn ĐT, xã BN, huyện TB, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17 tháng 3 năm 2019, bị cáo Võ Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92B1 - 041.13 (xe của chị Võ Thị Th) lưu hành tại thành phố TK với mục đích thấy ai sơ hở thì chiếm đoạt tài sản. Lúc 9 giờ cùng ngày, tại khu vực phía sau chợ phía sau Siêu thị Co.opmart T.K (thuộc phường PH, thành phố T.K), thấy chị Phan Thị M T đang dừng nhắn tin điện thoại, trên yên xe máy của chị T để 01 túi xách cầm tay, bị cáo Võ Văn T. điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92B1 - 041.13 chạy áp sát chỗ chị T đang đứng, nhanh chóng giật lấy 01 túi xách (bên trong có số tiền 1.575.000 đồng, 01 ví vải thô cầm màu xanh và 02 chùm chìa khóa (không có giá trị giao dịch)) và lái xe tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo lấy số tiền 1.575.000 đồng, tiêu xài hết 1.275.000.000 đồng và vớt lại các tài sản khác trên vỉa hè. Tài sản và số tiền 300.000.000 đồng đã được thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu; bị cáo tác động gia đình

bồi thường cho bị hại 500.000 đồng, bị hại không yêu cầu gì về phần dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm theo Cáo trạng số 93/CT - VKS ngày 12 tháng 8 năm 2019 đối với Võ Văn T về tội Cướp giật tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), xử phạt bị cáo Võ Văn T từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố TK, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TK, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được:

Khoảng 09 giờ ngày 17 tháng 3 năm 2019, tại khu vực phía sau Siêu thị Co.opmart T.K (*thuộc phường P.H, thành phố T.K*), bị cáo Võ Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92B1- 041.13 (xe của chị Võ Thị Th) áp sát qua chỗ chị Phan Thị M.T đang đứng, giật lấy 01 túi xách cầm tay (*bằng da, màu đen, bên trong có số tiền 1.575.000 đồng, 01 ví vải thổ cẩm màu xanh và 02 chùm chìa khóa (không có giá trị giao dịch)*) của chị T và nhanh chóng lái xe tẩu thoát. Bị cáo lấy số tiền 1.575.000 đồng, tiêu xài hết 1.275.000.000 đồng và vớt lại các tài sản khác trên vỉa hè. Tài sản và số tiền 300.000đồng đã được thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu; bị cáo tác động gia đình bồi thường cho bị hại 500.000 đồng, bị hại không yêu cầu gì về phần dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối chiếu kết quả tranh tụng tại phiên tòa với các quy định của pháp luật hình sự hiện hành, Hội đồng xét xử xét kết luận: Bị cáo Võ Văn T phạm tội "*Cướp giật tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), với tình tiết "*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*". Theo đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T.K truy tố bị cáo là đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là hợp rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây nguy hại đến sức khỏe của bị hại và ảnh hưởng tiêu cực đến trật tự trị an tại địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình và nuôi con nhỏ. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015

(sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt cũng, xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, vừa đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm, vừa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[2.3] Trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, vấn đề liên quan trong vụ án:

- *Trách nhiệm dân sự:* Bị hại không yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét.

- *Về vật chứng, vấn đề liên quan khác:* Không có căn cứ xác định bà Võ Thị Th có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Tùng nên Cơ quan có thẩm quyền đã trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 92B1 - 041.13 cho bà Võ Thị Th là phù hợp.

[2.4] Về án phí: Bị cáo Võ Văn Tùng phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo **Võ Văn T** phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Võ Văn T 18 (mười tám) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 19 tháng 3 năm 2019).

2. Buộc bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, thành phố;
- Tòa án ND tỉnh;
- Chi cục THADS thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

Nguyễn Văn Dũng